

Bản án số: 1046/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-10-2018
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dư Tuyết Lạnh

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lại Thị Đắc

2. Bà Nguyễn Thanh Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hiền– Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 1243/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2018/QĐST–HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Phương T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Đường D, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Tạm trú: đường C, Phường C, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Đường D, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13-11-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đặng Thị Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hoàng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố

Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73 quyển số 01/2004 ngày 08/4/2004 cấp). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau một thời gian chung sống giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T thường xuyên gây nợ, mặc dù bà đã khuyên rất nhiều lần cho ông T cơ hội cũng nhiều lần, nhưng ông T hứa sửa chữa lại không sửa, đỉnh điểm là vào năm 2012 ông T gây ra một khoảng nợ rất lớn, bà không có cách nào trả nợ cho ông nên đã dẫn con về nhà mẹ ruột của bà để sống. Đến năm 2015 bà có nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông T nhưng lúc đó con còn nhỏ và ông T cũng đến xin bà quay về vì ông T đã trả hết nợ. Bà có đến rút đơn muốn cho ông T cơ hội sửa chữa, nhưng bà vẫn sống ở nhà mẹ ruột chứ không quay về sống chung với ông T. Từ lúc rút đơn cho đến khi bà nộp đơn mới ông T cũng không lui tới thăm con hay có ý định hàn gắn với bà, bà và ông T cũng đã sống ly thân hơn 05 năm nay. Vì vậy, bà nhận thấy không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với ông T được nữa, nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

- Về nuôi con chung: Có 01 con chung là trẻ Nguyễn Hoàng Phương V, sinh ngày 06/9/2005 bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T không đến, vì vậy Tòa án tiến hành thủ tục để xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hoàng T theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa hôm nay: Bà Đặng Thị Phương T có đơn xin xét xử vắng mặt trong đơn bà vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, về con chung tài sản chung, nợ chung bà vẫn giữ yêu cầu như đơn khởi kiện.

Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 48, Điều 70, Điều 71, Điều 72, có vi phạm thời hạn xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Nội dung: Bà Đặng Thị Phương T và ông Nguyễn Hoàng T có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp, trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến ly thân và có yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Nguyễn Hoàng Phương V, sinh ngày 06/9/2005 bà Thảo yêu cầu được nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng. Theo chứng

cứ trong hồ sơ thì bà T là người trực tiếp nuôi con nên giao con cho bà T tiếp tục nuôi là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có nên không xét.

Về án phí ly hôn: Bà Đặng Thị Phương T phải chịu theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì vậy, việc bà T có đơn yêu cầu xin ly hôn và giao con chung cho bà T nuôi con chung là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Đặng Thị Phương T và ông Nguyễn Hoàng T có đăng ký kết hôn, bà T yêu cầu ly hôn với ông T xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về “Tranh chấp ly hôn”.

Hiện nay, bị đơn ông Nguyễn Hoàng T đang cư trú tại Quận 8, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thủ tục vắng mặt:

Bà Đặng Thị Phương T là nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án không có sự tham gia của bà; Bị đơn ông Nguyễn Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 73 quyền số 01/2004 ngày 08/4/2004 Tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, cùng lời khai của bà T về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà T và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng từ lời khai của bà T cho rằng trong quá trình kết hôn thời gian đầu cuộc sống của ông bà có hạnh phúc, sau đó thì giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn do ông T thường xuyên gây

nợ, trong cuộc sống không lo cho bà và con gái, dù bà T đã nhiều lần tha thứ nhưng ông T vẫn không sửa chữa lỗi lầm, bà và ông T cũng đã không chung sống với hơn 05 năm nay. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, đó cũng là quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Ông Nguyễn Hoàng T dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để mời ông cùng bà T hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng ông T vẫn không đến. Bên cạnh đó ông T và bà T cũng đã sống ly thân thời gian rất lâu từ khoảng giữa năm 2012 cho đến nay, điều đó cho thấy tình cảm giữa ông T và bà T đã không còn, ông bà cũng không tôn trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm tổn thương tình cảm của nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà T yêu cầu được ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống ông T và bà T có 01 con chung là trẻ Nguyễn Hoàng Phương V, sinh ngày 06/9/2005 theo giấy khai sinh số 212 quyền số 02/2005 do Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Do đó có căn cứ xác nhận đây là con chung của ông T và bà T. Bà T xin được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với yêu cầu này của bà T Hội đồng xét xử thấy rằng tại bản tự khai của trẻ Phương V cho rằng từ trước đến nay đều sống với mẹ và có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ, ông T do không đến Tòa án nên không có ý kiến trong việc nuôi con chung nên cần giao trẻ Phương V cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông T đến khi các đương sự có yêu cầu khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T cho rằng không có, mặt khác ông T không có mặt nên nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng bà Đặng Thị Phương T phải chịu (theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Phương T về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Phương T được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73 quyển số 01/2004 ngày 08/4/2004 tại Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

- Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Nguyễn Hoàng Phương V, sinh ngày 06/9/2005 giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông T cho đến khi các đương sự có yêu cầu khác.

Ông Nguyễn Hoàng T có quyền thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T cho rằng không có mặt khác ông T không có mặt nên nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng bà Đặng Thị Phương T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Thảo đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0013787 ngày 29/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Tuyết Lạnh